

–Chín pháp thứ năm là nên diệt trừ chín thứ phiền não căn bản. Những gì là chín?

1. Người tu hành nếu có ý muốn làm việc ác sẽ không an ổn, khiến bị bức bách, cũng như nghĩ các điều ác. Nếu người tu hành nghĩ đến, từ đó sẽ sanh các phiền não. Đây là phiền não thứ nhất.

2. Nếu người tu hành trước đã có làm ác nên không an, đã bị bức bách vì các điều ác đã thi hành, nếu người tu hành còn nghĩ nhớ đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ hai.

3. Nếu người tu hành, sau lại có ý muốn làm ác khiến cho không an mà vẫn muốn làm, bị bức bách mà vẫn muốn làm các điều ác. Nếu người tu hành niệm tưởng đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ ba.

4. Nếu người tu hành do gần gũi người có ý mong muốn làm ác, người ấy gần gũi người muốn làm ác, mong làm ác nên không an mà vẫn muốn làm, bị bức bách bởi muốn làm các điều ác. Nếu người tu hành nghĩ nhớ đến, từ đấy sanh phiền não. Đây là phiền não thứ tư.

5. Nếu người tu hành có gần gũi người đã thi hành việc ác thì tâm không an, bị bức bách do gần gũi người làm các điều ác. Nếu người tu tập còn nghĩ nhớ đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ năm.

6. Nếu người tu hành do gần gũi nhau, sau lại bày ra việc ác nên sanh ra việc bất an, gây ra việc bức bách do làm các việc ác. Nếu người tu hành có tâm hướng như thế, từ đấy sẽ sanh các phiền não. Đây là phiền não thứ sáu.

7. Nếu người tu hành e ngại không tiện lợi và giúp ích cho việc tu hành, sợ không thuận tiện cho nhau nên muốn thiết lập sự an ổn, muốn giải tỏa bức bách, không muốn phải có các điều ác. Nếu người tu hành không chủ hướng, ý niệm như vậy, từ đấy sẽ sanh ra các phiền não. Đây là phiền não thứ bảy.

8. Nếu người tu hành e ngại không tiện lợi và muốn giúp ích cho việc tu hành, không thuận tiện cho nhau nên đã thiết lập sự an ổn, đã giải tỏa sự bức bách, không muốn có các điều ác. Nếu người tu hành hướng niệm không được như vậy, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ tám.

9. Nếu người tu hành e ngại không tiện cho nhau trong việc tu hành, sợ không tiện lợi cho nhau nên đã trợ giúp, đã an ổn, đã giải tỏa bức bách cũng như các điều ác. Nếu người tu hành hướng niệm không

được như vậy là không cho nhau được an lạc. Từ đây sanh phiền não. Đây là phiền não thứ chín.

–Chín pháp thứ sáu là nên suy nghĩ trừ bỏ chín phiền não của ý. Thế nào là chín?

1. Nếu có người tu hành cho rằng: “Vì ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, và ta đã làm ác, còn duy trì ý hướng về phiền não ấy”. Nếu người tu hành hướng niệm như vậy, là phiền não thứ nhất.

2. Hoặc có người tu hành nghĩ rằng: “Vì tự ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, là ta đã làm ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ác ấy”. Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ hai.

3. Hoặc có người tu hành tự nghĩ: “Vì ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, ta có thể đã làm ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ấy”. Nếu người tu hành hướng niệm như vậy, gọi là phiền não thứ ba.

4. Hoặc có người tu hành đôi khi tự nghĩ: “Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên gần nên khiến ta mà hay quên, khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn, ta đã làm điều ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ấy”. Nếu người tu hành còn nhớ nghĩ như vậy, ấy là phiền não thứ tư.

5. Hoặc có người tu hành có khi tự nghĩ: “Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên khiến ta hay quên, khiến ta dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn, vì thấy làm ác và còn giữ ý hướng về phiền não ấy. Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ năm.

6. Hoặc có người tu hành có lúc tự nghĩ: “Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên khiến ta hay quên, khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn vì có thể ta đã làm ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ấy. Nếu người tu hành còn có ý hướng như vậy, gọi là phiền não thứ sáu.

7. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: “Ta không cùng phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, vì nó khiến ta oán hận. Thật có ích lợi nếu được làm cho tâm an, được vui, được an ổn. Ta đã giữ ý hướng về phiền não ấy”. Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ bảy.

8. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: “Ta không cùng

phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, vì nó khiến ta thù oán. Thật lợi ích nếu làm cho tâm được an, được vui, được an ổn, thấy làm mà vẫn giữ chặt ý hướng quay điểm về phiền não”. Nếu người tu hành hưởng niệm như vậy là phiền não thứ tám.

9. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: “Ta không cùng phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, bởi vì nó khiến ta thù oán. Thật lợi ích nếu làm cho tâm được an, được vui, được an ổn. Tâm muốn làm mà ta vẫn giữ ý hướng về phiền não ác ấy”. Nếu người tu hành hưởng niệm như vậy là phiền não thứ chín.

–Chín pháp thứ bảy là chín chỗ nương trú khó có. Những gì là chín?

1. Nếu người tu hành được nương trú vào đức tin thì có thể bỏ điều xấu được điều tốt. Đây là chỗ nương trú thứ nhất.

2. Nếu người tu hành có ý tu tập xả bỏ tâm chấp trước, không muốn chấp trước. Đây là chỗ nương trú thứ hai.

3. Nếu người tu hành sanh khởi tâm tinh tấn, từ bỏ tâm không khởi tinh tấn. Đây là chỗ nương trú thứ ba.

4. Nếu người tu hành tự giữ chỗ an nhàn, xả bỏ tâm không giữ. Đây là chỗ nương trú thứ tư.

5. Nếu người tu hành có thể kham nhẫn, nương vào sự kham nhẫn như vậy mà được an trú thì đã được tâm trắc đạt chân chánh. Đây là chỗ nương trú thứ năm.

6. Nếu người tu hành xả bỏ một pháp (để tiến lên). Đây là chỗ nương trú thứ sáu.

7. Đã xả một pháp liền hiểu rõ thêm một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ bảy.

8. Đã hiểu rõ một pháp liền thọ một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ tám.

9. Đã thọ một pháp liền thực hành một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ chín.

–Chín pháp thứ tám là chín thứ định. Những gì là chín?

1. Tâm ý an trú ở Sơ thiền là định thứ nhất.

2. Từ định thứ nhất tuần tự đạt đến rốt ráo Nhị thiền là định thứ hai.

3. Từ định thứ hai tuần tự đạt đến rốt ráo Tam thiên là định thứ ba.

4. Từ định thứ ba tuần tự đạt đến rốt ráo Tứ thiên là định thứ tư.

5. Từ thiên thứ tư tuần tự đạt đến rốt ráo Không xứ là định thứ năm.

6. Từ Không xứ tuần tự đạt đến rốt ráo Thức xứ là định thứ sáu.

7. Từ Thức xứ tuần tự đạt đến rốt ráo Vô sở hữu xứ là định thứ bảy.

8. Từ Vô sở hữu xứ tuần tự đạt đến rốt ráo chỗ không có tư tưởng (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) là định thứ tám.

9. Từ chỗ không có tưởng tuần tự đạt đến Diệt thọ tưởng là định thứ chín.

–Chín pháp thứ chín là nên biết chín chỗ không hợp thời. Người tu hành sanh vào chín chỗ này, dù tu hành cũng không viên mãn. Những gì là chín?

1. Con người khi ở trong địa ngục mà tội báo chưa hết thì không thể đắc đạo.

2. Hoặc khi bị đọa vào loài súc sanh, tội báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

3. Hoặc khi làm thân ngạ quỷ, tội báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

4. Hoặc được sanh ở cõi trời Trường thọ, khi phước báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

5. Hoặc có khi đối với ý nghĩa của Phật pháp, do không có người giảng nói nên không được tiếp nhận, cũng không thể đắc đạo.

6. Hoặc khi bị tai điếc không nghe Pháp, không thể nhận lãnh Pháp, cũng không thể đắc đạo.

7. Hoặc khi bị câm, không thể thọ trì, không thể đọc tụng, cũng không thể đắc đạo.

8. Hoặc khi được nghe mà không thể tiếp nhận, cũng không thể đắc đạo.

9. Hoặc khi chưa được sáng suốt, không khai mở tâm ý để giảng nói kinh pháp, cũng không thể đắc đạo.

–Chín pháp thứ mười là chín pháp tự chứng biết không còn phải diệt. Những gì là chín?

1. Diệt trừ khổ của danh tự (danh sắc).
2. Diệt trừ sáu nhập (lục nhập).
3. Diệt trừ cánh thọ (xúc).
4. Diệt trừ các thống (thọ).
5. Diệt trừ tham ái (ái)
6. Diệt trừ thọ (thủ).
7. Diệt mong cầu (hữu).
8. Diệt trừ sanh (sanh).
9. Diệt già, chết (lão tử).

Đây là chín mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán xét.

–Mười pháp thứ nhất là tăng trưởng các đạo hạnh, giữ gìn Phật pháp, cứu giúp chúng sanh. Những gì là mười?

1. Nếu có vị đệ tử theo Đức Như Lai nhận lãnh đạo pháp, trọn đời phát nguyện tin theo thì không ai có thể phá hoại được dù là Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm thiên, cũng như loài người tại thế gian.

2. Tu tập, giữ gìn giới luật thanh tịnh, có thể hiểu rõ các việc phải làm, theo đó sợ phạm các tội đã gặp, thấy rõ như trong luật dạy răn để tu học.

3. Có trí tuệ phân biệt, có tuệ tùy thuận với người, có tuệ đạt pháp một cách trọn vẹn.

4. Ngồi một mình tư duy, tu tập điều khiển, chế ngự cả thân và ý.

5. Tu tập, thọ trì một cách siêng năng, có năng lực hiểu rõ các pháp, rồi nỗ lực thực hành, không từ bỏ pháp phương tiện thanh tịnh.

6. Ở đâu cũng giữ gìn tâm ý. Tâm ý rất nhiệm mầu, tùy theo các pháp đã làm, đã nói lâu xa mà vẫn có thể nhớ rõ, có thể hiểu thấu suốt.

7. Tu tập trí tuệ, từ trí tuệ biết rõ các pháp sanh diệt mà theo đó đạt đạo, đã quyết từ bỏ chúng không nghi ngờ, chỉ tu tập để dứt khổ, được vắng lặng.

8. Tu tập thọ nhận lời dạy tốt đẹp, rồi theo lời pháp tốt đẹp ấy thực hành.

9. Ưa thích nghe pháp, ưa thích nghe pháp để tu hành, chỉ vui thích được nghe các bài thuyết pháp.

10. Khi có người đồng học cùng tu, thì tinh tấn hỗ trợ cho nhau.

Đó là mười pháp cứu giúp. Từ đây về sau, các vị nên ngồi một mình tư duy, buộc tâm với Tín, Giới, Tuệ; tu tập siêng năng tâm ý mới phát tuệ, tiếp nhận lời dạy tốt đẹp, muốn nói kinh pháp, tự thân thực hành các pháp như vậy không dừng nghỉ. Đây gọi là pháp cứu giúp.

–Mười pháp thứ hai là nên tu tập mười hạnh chánh trực. Mười hạnh chánh trực là gì?

1. Nhờ nhận thức chánh trực, người tu hành làm cho các hạnh tà kiến được tiêu diệt, do các pháp nhân duyên của tà kiến chẳng phải ít. Bao nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên nhận thức ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ từ sự tu hành đủ các hạnh.

2. Nhờ sự tư duy, trắc đạt ngay thẳng nên tiêu trừ được mưu tính tà quấy, do các pháp nhân duyên của mưu tính tà quấy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên tư duy, trắc đạt ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến từ sự tu hành đủ các hạnh.

3. Lời nói chánh trực làm tiêu trừ lời nói tà quấy, do các pháp nhân duyên của lời tà quấy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên lời nói ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều từ tu hành các hạnh đầy đủ.

4. Hạnh ngay thẳng tiêu trừ hạnh tà vạy, do các pháp nhân duyên của hạnh tà vạy chẳng phải ít, nên bao nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên hạnh ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ tu hành các hạnh đầy đủ.

5. Nghiệp ngay thẳng làm tiêu trừ nghiệp tà, do các pháp nhân duyên của tà nghiệp chẳng ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên nghiệp ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều đến từ sự tu hành đầy đủ các hạnh.

6. Phương tiện ngay thẳng làm tiêu trừ phương tiện tà vạy, do các pháp nhân duyên của phương tiện tà vạy chẳng phải ít. Bao nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên phương tiện ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến đều nhờ từ tu hành đủ các hạnh.

7. Niệm ngay thẳng làm tiêu trừ niệm tà vạy, do các pháp nhân duyên của niệm tà vạy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên của niệm ngay

thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ tu hành đủ các hạnh.

8. Chánh định tiêu trừ tà định, do các pháp nhân duyên của tà định không phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên chánh định. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến với người tu hành nhờ tu đủ các hạnh.

9. Chánh độ tiêu trừ tà độ, do các pháp nhân duyên của tà độ chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên chánh độ. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến với người tu hành nhờ tu đủ các hạnh.

10. Chánh tuệ tiêu trừ tà tuệ, do các pháp nhân duyên của tà tuệ chẳng phải một. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng do từ nhân duyên chánh tuệ chẳng phải ít. Bao nhiêu pháp tốt đẹp được đầy đủ là nhờ tu hành đủ các hạnh.

–Mười pháp thứ ba là nên rõ biết trong ngoài mười sắc nhập. Những gì là mười? Đó là:

1. Nhãn nhập.
2. Sắc nhập.
3. Nhĩ nhập.
4. Thanh nhập.
5. Tỷ nhập.
6. Hương nhập.
7. Thiệt nhập.
8. Vị nhập.
9. Thân nhập.
10. Thô tế nhập.

–Mười pháp thứ tư là nên bỏ mười điều ngăn che trong ngoài. Những gì là mười?

1. Tham dục ngăn che bên trong.
2. Tham dục ngăn che bên ngoài.

Đủ cả hai do đó không có trí tuệ, cũng không có hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

3. Là tức giận.
4. Là nóng giận.

Vì tức giận đều có tính cách ngăn che, nên đều nêu ra để thấy sự ngăn che. Nếu có đủ cả hai, thì do đó cũng không đưa đến trí tuệ, cũng

không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

5. Là ngủ nghỉ.

6. Là tối tăm.

Ý nói ngủ nghỉ là ngăn che, tối tăm cũng là ngăn che. Đủ cả hai thì từ đó không đưa đến trí tuệ, cũng không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

7. Là phiền não.

8. Là nghi ngờ.

Ý nói phiền não là ngăn che, nêu ra nghi ngờ cũng là pháp ngăn che. Đủ hai điều này từ đây không đưa đến trí tuệ, cũng không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến cảnh giới vô vi vượt thế gian.

9. Hoặc trong pháp thanh tịnh mà nghi ngờ.

10. Hoặc trong pháp ác mà có nghi ngờ.

Nếu có nghi ngờ pháp thanh tịnh thì đó ngăn che. Trong pháp ác mà nghi ngờ cũng là ngăn che. Nếu có đủ cả hai, từ đây sẽ không có trí tuệ, cũng không dẫn đến hiểu biết, cũng không đạt đến vô vi vượt thoát thế gian.

–Mười pháp thứ năm là giảm trừ mười việc ác. Những gì là mười?

1. Sát sanh.

2. Trộm cướp.

3. Phạm sắc dục.

4. Nói hai lưỡi.

5. Nói dối.

6. Nói thô ác.

7. Nói thêu dệt.

8. Ngu si.

9. Sân hận.

10. Tà kiến.

–Mười pháp thứ sáu là tu hành để thành tựu mười hạnh thanh tịnh.

Những gì là mười?

1. Xa lìa sát sanh, từ sát sanh mà dứt bỏ.

2. Xa lìa trộm cướp, từ trộm cướp mà dứt bỏ.

3. Xa lìa sắc dục, từ sắc dục mà dứt bỏ.

4. Xa lìa nói hai lưỡi, từ nói hai lưỡi mà dứt bỏ.



5. Xa lia nói dối, từ nói dối mà dứt bỏ.
6. Xa lia nói lời thô ác, từ lời thô ác mà dứt bỏ.
7. Xa lia nói thêu dệt, từ lời thêu dệt mà dứt bỏ.
8. Xa lia ngu si, từ ngu si mà dứt bỏ.
9. Xa lia sân hận, từ sân hận mà dứt bỏ.
10. Xa lia ý tà kiến, từ tà kiến mà dứt bỏ.

–Mười pháp thứ bảy là khó nhận rõ mười đức trong đạo. Những gì là mười?

1. Đã xả bỏ năm thứ tán loạn (ngũ chủng).
2. Sáu chánh đạo đức (lục chánh đạo đức).
3. Chỉ giữ một cảnh.
4. Là có bốn chỗ nương (y tứ).
5. Tự mình hiểu rõ, không đợi người giải mới hiểu.
6. Đã bỏ sự mong cầu (bên ngoài).
7. Chỗ mong cầu đã thanh tịnh.
8. Thân hành đã dừng nghỉ.
9. Khẩu hành đã dừng nghỉ.
10. Ý hành đã dừng nghỉ.

Dùng tâm ý tối thắng vượt qua, do trí tuệ thù thắng vượt qua. Thực hành đầy đủ gọi là người tối thắng.

–Mười pháp thứ tám là hoàn thành mười quán định cùng khắp. Những gì là mười?

1. Dù ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “đất” phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.
2. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “nước” phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.
3. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “lửa” phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.
4. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “gió” phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.
5. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “màu xanh” phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.
6. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “màu vàng” phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.
7. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “màu đỏ” phổ biến trên

dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

8. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “màu trắng” phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

9. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “hư không” phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

10. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng “thức” rất phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

Mười lực của Phật, thế nào gọi là mười lực?

1. Đức Phật ở đâu cũng như sự thật biết nên hay không nên, đúng hay không đúng, đều biết như thật, do trí tuệ vận hành mà được tự biết. Đây là năng lực thứ nhất.

2. Đức Phật ở trong ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai, người tạo tội gì vốn phải chịu tai ương nào, Ngài đều biết rõ như thật. Đây là năng lực thứ hai.

3. Phật vì tất cả chúng sanh hiện tại đang cảm thọ cảnh giới tu hành biết rõ như thật, tự dùng trí tuệ vận hành mà được biết như thế. Đây là năng lực thứ ba.

4. Phật vì chúng sanh mà hủy bỏ hay giảng giải, quy định pháp tu hành, cũng biết rõ như thật loại định bị trói buộc, loại định đưa đến giải thoát, loại định đưa đến siêu thoát. Đây là năng lực thứ tư.

5. Phật hiểu biết như thật tâm nguyện của chúng sanh. Đây là năng lực thứ năm.

6. Phật hiểu biết như thật nhiều vô lượng các loại hạnh nghiệp của chúng sanh trong thiên hạ. Đây là năng lực thứ sáu.

7. Phật hiểu biết như thật căn lành của chúng sanh, có đủ hay không đủ. Đây là năng lực thứ bảy.

8. Phật vì vô lượng chúng sanh phân biệt tâm niệm, từ khởi nguyên cho đến chung cuộc đều như thật mà biết. Đây là năng lực thứ tám.

9. Phật dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát khắp thế gian thấy chúng sanh sanh tử qua lại, đều hiểu biết như thật. Đây là năng lực thứ chín.

10. Phật đã diệt tận các thứ kiết phược, không còn bị kiết phược trói buộc, sai sử; tâm ý đã giải thoát, từ trí tuệ tu hành giải thoát thấy pháp phải tự mình từ trí tuệ mà được chứng, lại biết cảm thọ đã hết, không còn sanh tử, chỗ tu hành đã được đầy đủ, không còn qua lại thế

gian, đều hiểu biết như thật. Đây là năng lực thứ mười.

–Mười pháp thứ chín là tự chứng biết mười điều học đầy đủ, không còn phải học nữa. Những gì là mười?

1. Nhận thức chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về nhận thức chân chánh nữa.

2. Suy nghĩ, tính toán chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về suy tính chân chánh nữa.

3. Lời nói chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về lời nói chân chánh nữa.

4. Hành động chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về hành động chân chánh nữa.

5. Nghiệp chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về nghiệp chân chánh nữa.

6. Phương tiện chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về phương tiện chân chánh nữa.

7. Tâm niệm chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về niệm chân chánh nữa.

8. Thiền định chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về định chân chánh nữa.

9. Đã được giải thoát thế gian một cách chân chánh đầy đủ, không còn phải học về pháp đưa đến giải thoát khỏi thế gian một cách chân chánh nữa.

10. Trí tuệ chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về tuệ chân chánh nữa.

Đó là trăm pháp của người tu học.

Trăm pháp tôi đã nói này là không trái, là không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ tùy ý quán sát. Những ai có trí tuệ cần quán sát như thế.

Các vị hãy lắng nghe những pháp tôi đã nói ở trên: Những pháp tôi đã nói, phần trên cũng tịnh, phần giữa cũng tịnh và phần sau cùng cũng tịnh. Có lợi ích, có tốt đẹp, đầy đủ thanh tịnh, là hạnh rất ráo như chúng ta đã thấy.

Đây gọi là Thập báo pháp. Những pháp cần nói như trên, tôi đã vì các vị mà nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, các thầy Tỳ-kheo vâng nhận, hết lòng đội ân.

